CẬP NHẬT KẾT QUẢ KINH DOANH QUÝ 2/2025

CTCP Xây lắp III Petrolimex

Ngày 30/06/2025	9,000 VNĐ		
Thay đổi	*1 tháng*	*3 tháng*	*6 tháng*
	25.0%	**36.4%**	**38.5%**

DT thuần
Q2/25
55.6
tỷ VNĐ
QoQ: ▲ 4.60| 9.1%
YoY: ▼26.4| -32.2%

LN thuần
Q2/25
2.65
tỷ VNĐ
QoQ: ▲ 3.88| 315%
YoY: ▼0.10| -3.8%

LN sau thuế
Q2/25
2.63
tỷ VNĐ
QoQ: ▲ 4.31| 257%
YoY: ▼0.39| -12.9%

Tỷ suất lãi EBIT
Q2/25
8.2%
YoY: +/-▲ 9.1%

ROE (TTM)
Q2/25

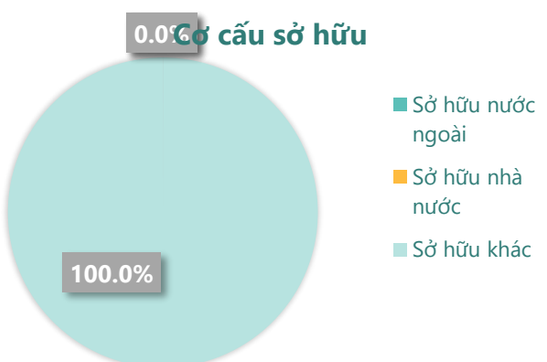
Sàn giao dịch	HNX
Khoảng giá 52 tuần	6,000 - 9,000
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	45
Số lượng CPLH (CP)	5,000,000
KLGD BQ 20 phiên (CP)	1,990
Sở hữu nước ngoài	0.0%
Beta	0.37
EPS	
P/E	

DT thuần
6T 2025
107
tỷ VNĐ
YoY: ▲ 3.00| 2.5%

LN thuần
6T 2025
1.41
tỷ VNĐ
YoY: ▲ 1.17| 487%

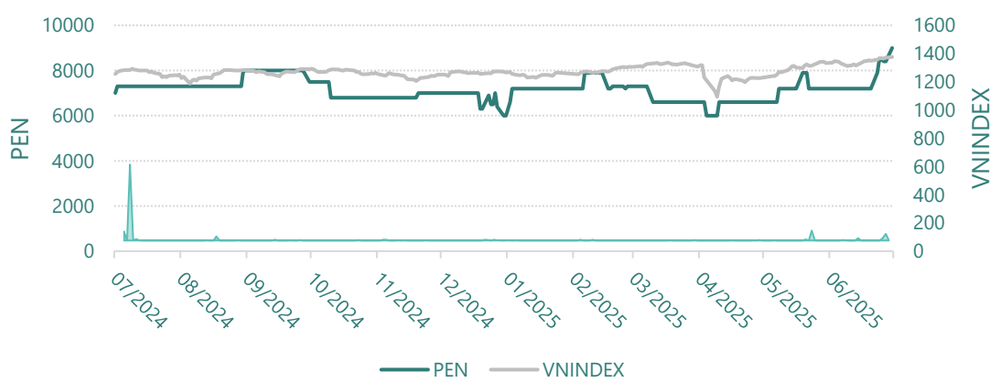
LN sau thuế
6T 2025
0.95
tỷ VNĐ
YoY: ▲ 0.44| 84.4%

Cơ cấu sở hữu

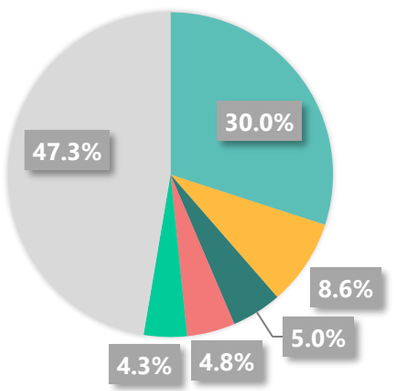


(Nguồn: fireant.vn)

Lịch sử giá



Cơ cấu cổ đông

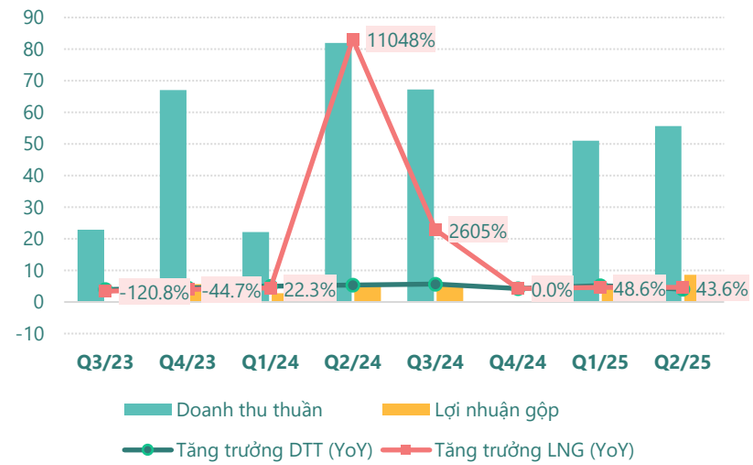


- Tổng công ty Xây lắp và Thương mại Petrolimex
- Lê Huy Thủy
- Nguyễn Thị Phượng (Phó Giám đốc)
- Vũ Lộc
- Nguyễn Hồng Kỳ (Thành viên HĐQT)
- Khác

(Nguồn: fireant.vn)

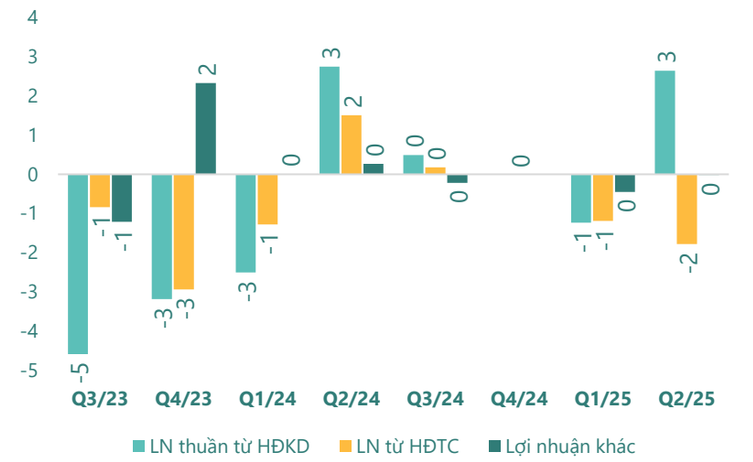
KẾT QUẢ KINH DOANH

Doanh thu thuần, Lợi nhuận gộp



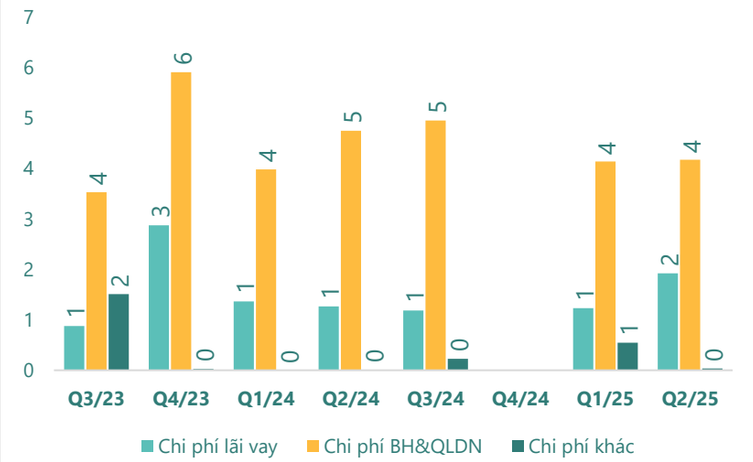
(Nguồn: fireant.vn)

Lợi nhuận



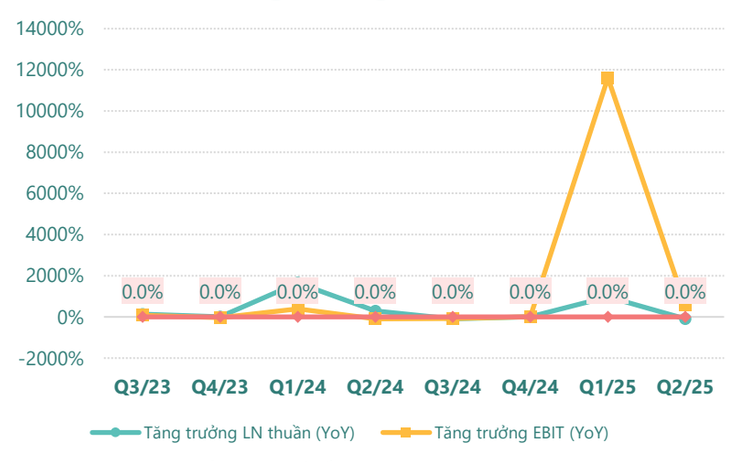
(Nguồn: fireant.vn)

Chi phí



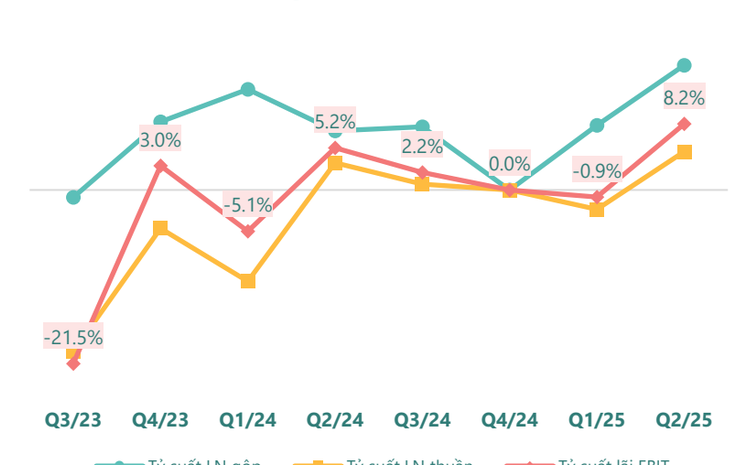
(Nguồn: fireant.vn)

Tăng trưởng lợi nhuận



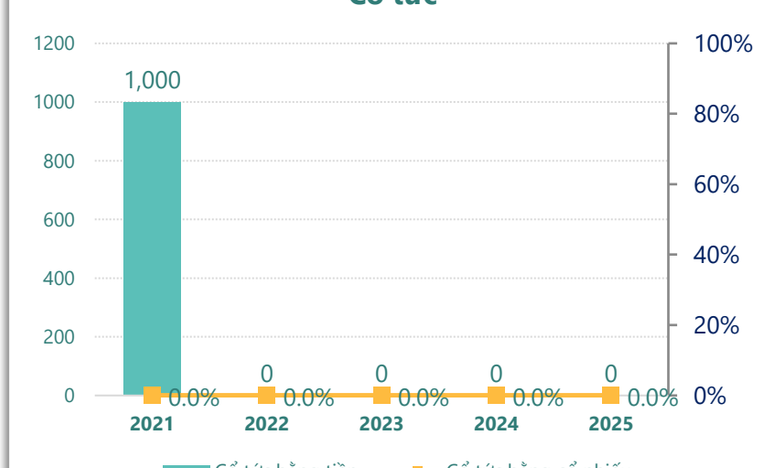
(Nguồn: fireant.vn)

Tỷ suất sinh lợi



(Nguồn: fireant.vn)

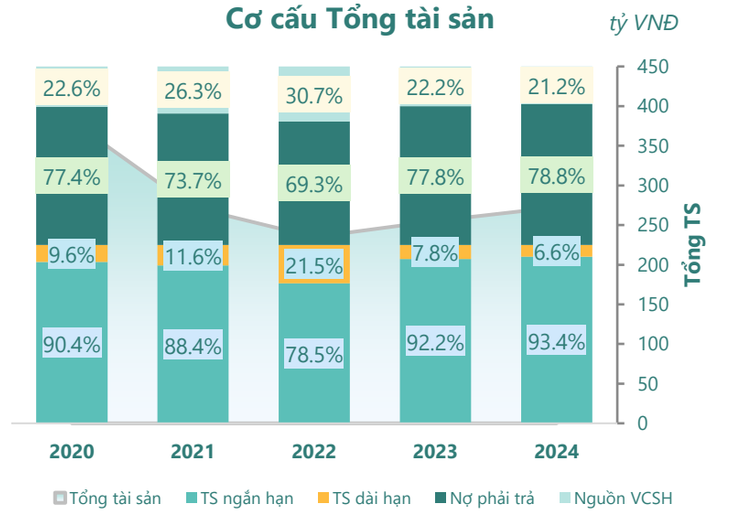
Cổ tức



(Nguồn: fireant.vn)

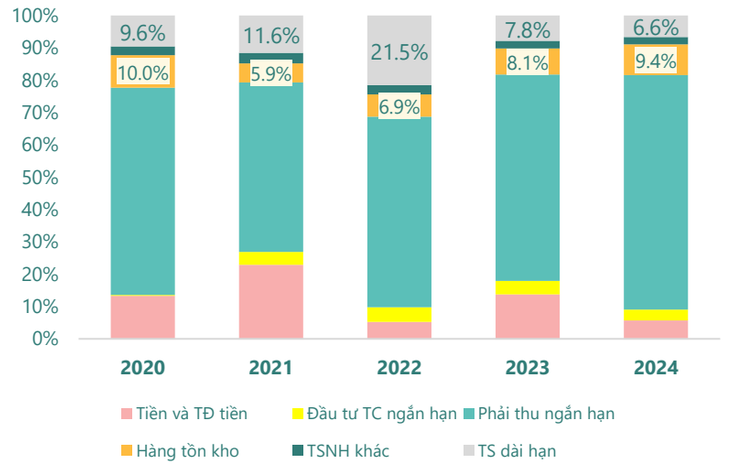
TÀI SẢN - NGUỒN VỐN

Cơ cấu Tổng tài sản



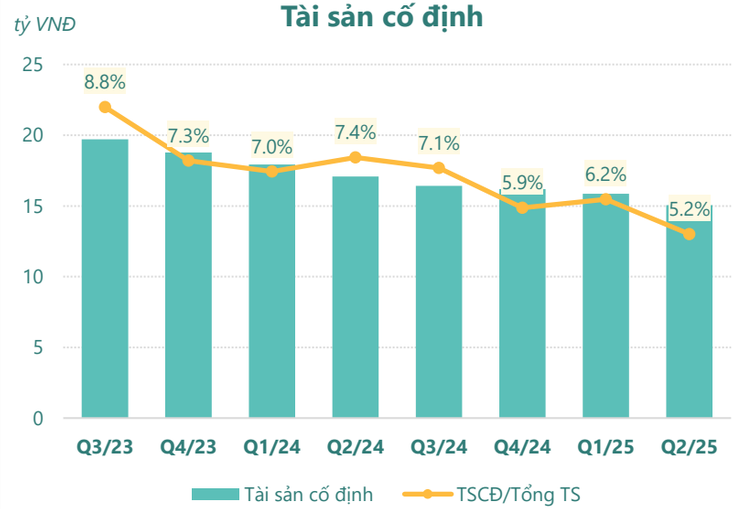
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu TS ngắn hạn/Tổng TS



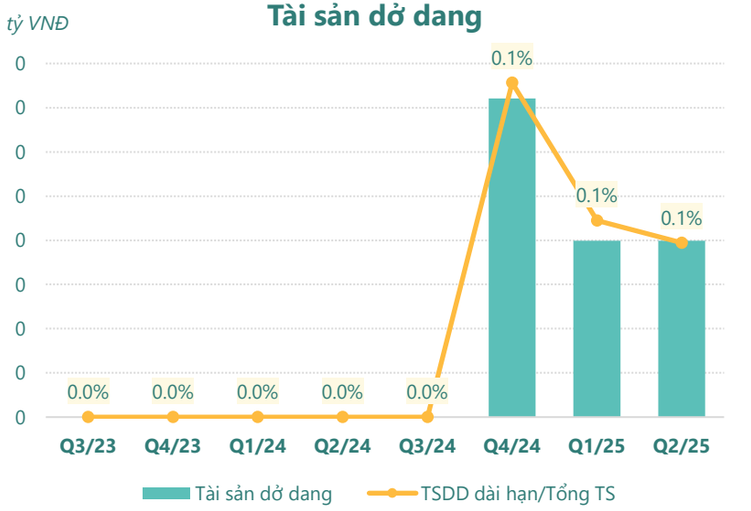
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản cố định



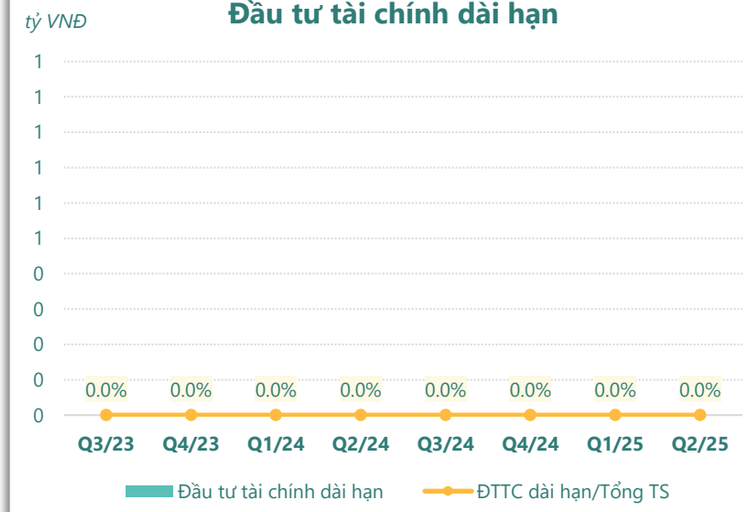
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản dở dang



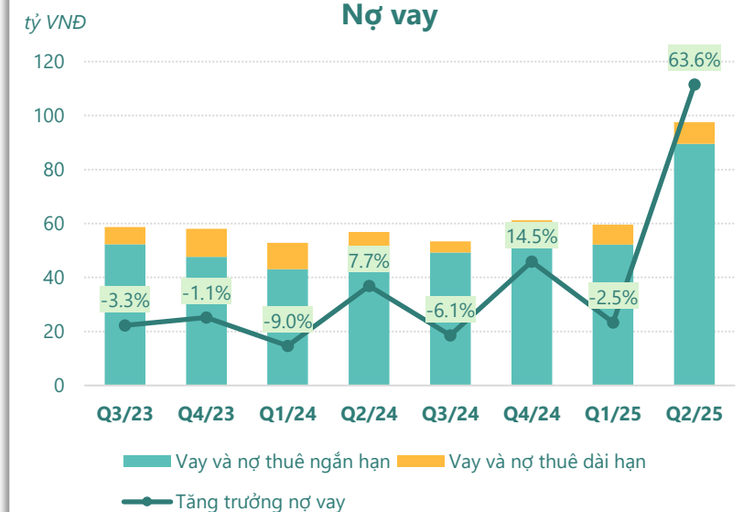
(Nguồn: fireant.vn)

Đầu tư tài chính dài hạn



(Nguồn: fireant.vn)

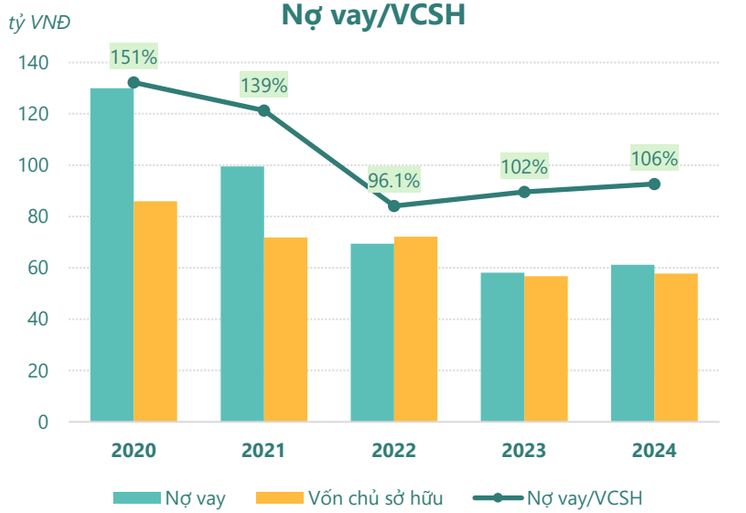
Nợ vay



(Nguồn: fireant.vn)

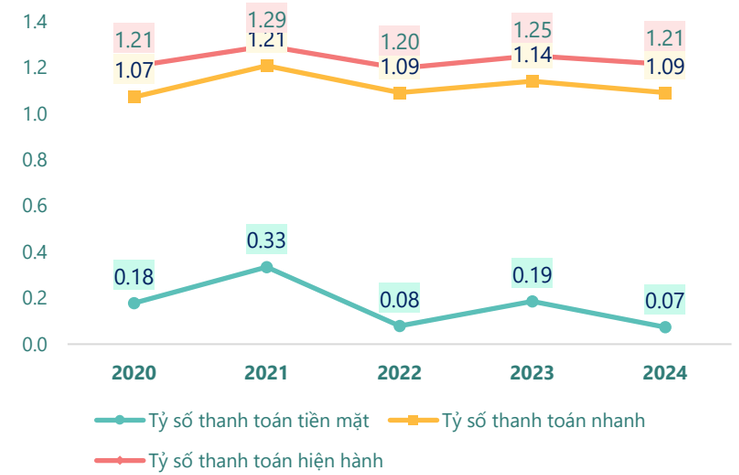
HIỆU QUẢ HOẠT ĐỘNG

Nợ vay/VCSH



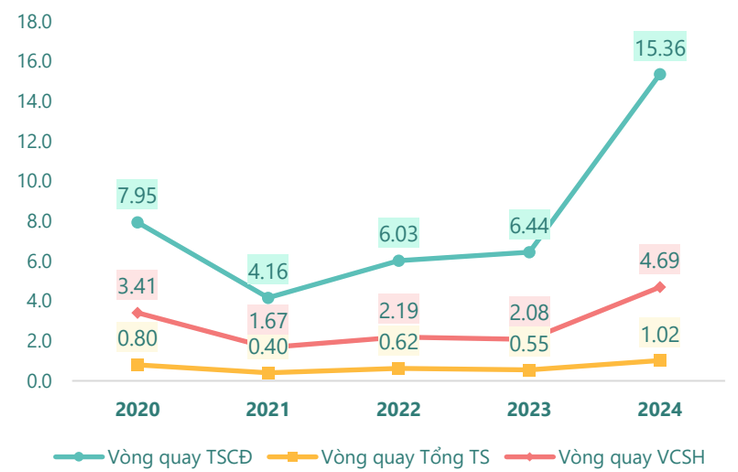
(Nguồn: fireant.vn)

Chỉ số thanh khoản



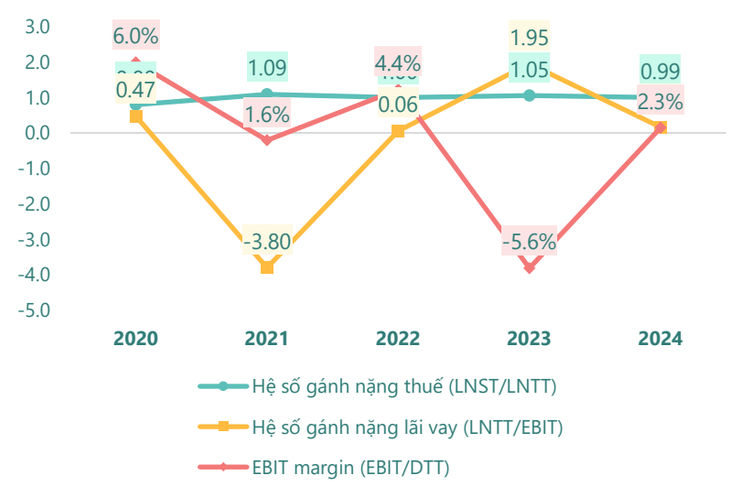
(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản



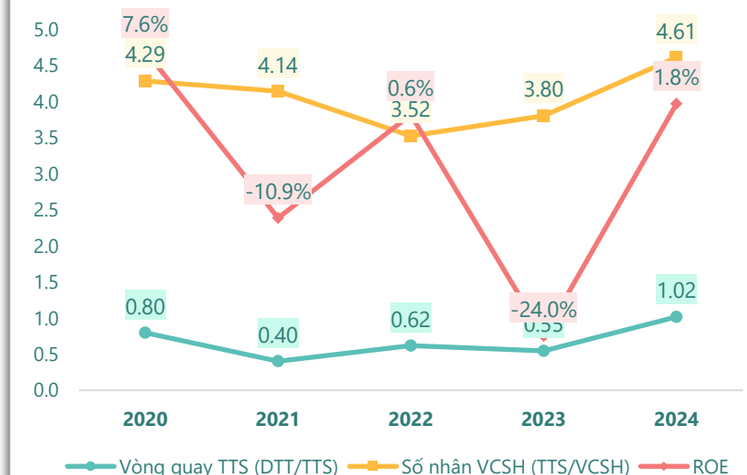
(Nguồn: fireant.vn)

Hệ số gánh nặng thuế và lãi vay



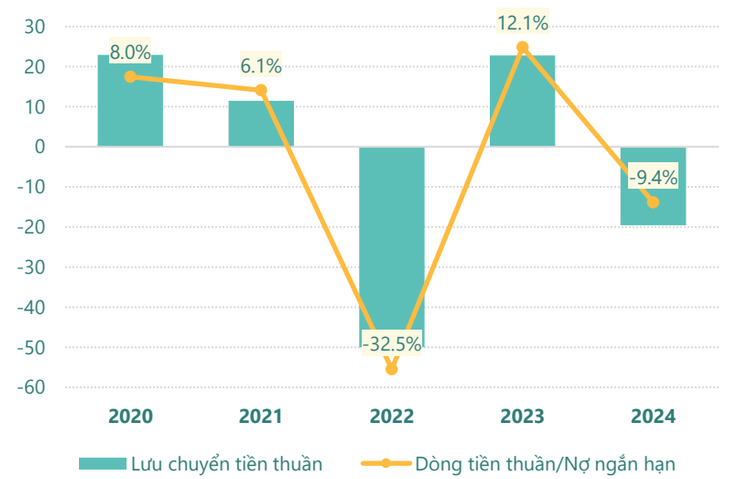
(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản và ROE



(Nguồn: fireant.vn)

Dòng tiền thuần trên Nợ ngắn hạn



(Nguồn: fireant.vn)

KẾT QUẢ KINH DOANH (tỷ VNĐ)	Q2/25	Q2/24	Thay đổi YoY	6T 2025	6T 2024	Thay đổi YoY
Doanh thu thuần	**55.6**	**82.0**	**-32.2%**	**107**	**104**	**2.5%**
Giá vốn hàng bán	47.0	76.0	-38.1%	94.0	95.3	-1.4%
Lợi nhuận gộp	8.61	5.99	43.7%	12.7	8.75	45.2%
Doanh thu HĐTC	0.54	3.09	-82.4%	0.73	3.15	-76.9%
Chi phí TC	2.33	1.58	47.2%	3.70	2.92	26.8%
Chi phí lãi vay	1.92	1.27	51.5%	3.15	2.64	19.7%
LN trong công ty LKLD	**0**	**0.00**		**0**	**0**	
Chi phí bán hàng	0.07	0.00		0.08	0	
Chi phí QLDN	**4.11**	**4.75**	**-13.5%**	**8.24**	**8.74**	**-5.7%**
LN thuần từ HĐKD	2.65	2.75	-3.8%	1.41	0.24	487%
Lợi nhuận khác	**-0.01**	**0.27**	**-105%**	**-0.47**	**0.27**	**-271%**
LN trước thuế	2.63	3.02	-12.9%	0.95	0.51	84.4%
Lợi nhuận sau thuế	**2.63**	**3.02**	**-12.9%**	**0.95**	**0.51**	**84.4%**
LNST của CĐ cty mẹ	**2.63**	**3.02**	**-12.9%**	**0.95**	**0.51**	**84.4%**

(Nguồn: fireant.vn)

Lưu chuyển tiền tệ (tỷ VNĐ)	Q1/24	Q2/24	Q3/24	Q4/24	Q1/25	Q2/25
Lưu chuyển tiền từ HĐKD	-16.0	-8.87	9.82	0	8.20	-49.8
Lưu chuyển tiền từ HĐĐT	0.01	0.22	0.01	0	-2.04	1.34
Lưu chuyển tiền từ HĐTC	-5.22	4.05	-3.46	0	-1.53	37.9
Tiền đầu kỳ	35.0	13.8	9.24	0	15.4	20.1
Lưu chuyển tiền thuần	**-21.2**	**-4.60**	**6.38**	**0**	**4.63**	**-10.5**
Ảnh hưởng tỷ giá	0.01	-0.01	0.00	0	0.03	-0.03
Tiền cuối kỳ	13.8	9.24	15.6	0	20.1	9.52

(Nguồn: fireant.vn)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tỷ VNĐ)	Tại ngày 30/6/2025	Tại ngày 31/12/2024	Thay đổi
Tổng tài sản	**289**	**272**	**6.2%**
Tài sản ngắn hạn	272	254	7.1%
Tiền và tương đương tiền	9.52	15.4	-38.3%
Đầu tư tài chính ngắn hạn	17.7	9.16	93.6%
Phải thu ngắn hạn	174	198	-12.2%
Hàng tồn kho	64.1	25.7	149%
Tài sản ngắn hạn khác	7.56	6.35	19.0%
Tài sản dài hạn	**17.0**	**18.1**	**-6.0%**
Phải thu dài hạn	0.01	0.01	0.0%
Tài sản cố định	15.1	16.2	-7.0%
Bất động sản đầu tư	0	0	
Tài sản dở dang	0.20	0.36	-44.6%
Đầu tư tài chính dài hạn	0	0	
Tài sản dài hạn khác	**1.69**	**1.49**	**13.8%**
Lợi thế thương mại	0	0	
Nợ phải trả	231	215	7.5%
Nợ ngắn hạn	**223**	**210**	**6.2%**
Vay và nợ thuê ngắn hạn	89.5	56.1	59.6%
Phải trả người bán ngắn hạn	22.1	35.7	-38.2%
Nợ dài hạn	8.13	5.14	58.2%
Vay và nợ thuê dài hạn	8.08	5.09	58.8%
Nguồn vốn chủ sở hữu	**58.7**	**57.7**	**1.6%**
Vốn chủ sở hữu	**58.7**	**57.7**	**1.6%**
Vốn điều lệ	50.0	50.0	0.0%
Kinh phí và quỹ khác	**0**	**0**	

(Nguồn: fireant.vn)